

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2022/HS-PT

Ngày 29 - 4 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1041/2021/TLPT-HS ngày 15/11/2021 do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn A, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2021/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Phạm Văn A**, tên gọi khác: Phạm Ngọc A, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Khu đô thị N, phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng M Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Đình C, sinh năm 1947 và con bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1948; có vợ là Hoàng Thị C2, sinh năm 1973 và 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 65/2009/HSST ngày 10/8/2009. Ngày 03/8/2014 bị cáo hết thời gian thừa thách.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Công ty luật TNHH một thành viên H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

**\* Ngoài ra còn có:** Bị hại ông Phạm Văn A1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quang A2, anh Phùng Đắc A3, bà Hoàng Thị C2 không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Phạm Văn A là Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng M Vĩnh Phúc, là đơn vị thi công nhà ở cho ông Phạm Văn A1, nên giữa A và ông A1 có mối quan hệ quen biết. Khoảng giữa tháng 10/2019 Phạm Văn A đã đặt vấn đề mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, biển kiểm soát 30A-843.47 của ông A1 để làm phương tiện đi lại. Do tin trước đây ông A1 cũng đã cho bị cáo A mượn xe nhiều lần, nên đã đồng ý giao xe cùng với bản gốc giấy đăng ký xe, giấy kiểm định chất lượng, giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho bị cáo; sau khi mượn được xe, bị cáo dùng làm phương tiện đi lại như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, khoảng 1 tuần sau do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều dẫn đến mất khả năng trả nợ, nên bị cáo đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe này để lấy tiền trang trải. Để thực hiện hành vi, bị cáo đã nhờ anh Phùng Đắc A3 tìm mối để cầm xe lấy tiền; anh A3 tưởng đây là xe của bị cáo nên đã đồng ý giúp đỡ, bị cáo đã giao xe và các giấy tờ xe cho anh A3, nhưng do đi tìm hiểu một số nơi nhưng thấy tiền lãi suất cao, nên anh A3 không cầm xe nữa mà mang xe về để sử dụng, đồng thời bỏ ra số tiền 650.000.000đ để cho bị cáo vay, nhưng anh A3 vẫn nói với bị cáo là số tiền cầm xe ô tô. Sau khi lấy được tiền, Phạm Văn A đã chi tiêu hết số tiền trên. Ngày 31/10/2019, anh A3 đến nhà bị cáo đưa cho bị cáo một giấy bán xe đã viết sẵn, mục đích nếu bị cáo không có tiền chuộc xe anh A3 sẽ bán chiếc xe trên để trừ nợ. Phạm Văn A đồng ý bán chiếc xe ô tô trên cho anh A3 với giá 650.000.000đ, nhưng nội dung giấy bán xe để trống mục người mua, anh A3 còn yêu cầu bị cáo đóng dấu của Công ty vào giấy bán xe để xác nhận, đồng thời yêu cầu vợ bị cáo là chị Hoàng Thị C2 cùng ký vào giấy bán xe. Đến tháng 11/2019, ông A1 đã yêu cầu bị cáo trả lại xe ô tô, nhưng bị cáo nói dối đang sử dụng xe để đi làm ăn. Đồng thời để làm tin, bị cáo còn bảo anh A3 lấy xe về để bị cáo mượn, đứng cạnh chụp ảnh gửi cho ông A1; sau đó ông A1 vẫn tiếp tục đòi xe và dọa nếu không trả xe sẽ báo Cơ quan Công an. Do sợ bị xử lý, nên bị cáo đã thú nhận với ông A1 do làm ăn thua lỗ nên đã mang xe đi cầm cố lấy tiền. Sau nhiều lần yêu cầu Phạm Văn A trả xe nhưng không được, nên ngày 21/9/2020, ông A1 đã làm đơn tố cáo bị cáo đến Cơ quan Công an. Ngày 13/11/2020, bị cáo Phạm Văn A đã đến Cơ quan Công an đầu thú.

Ngày 13/11/2020, anh Phùng Đắc A3 đã mang chiếc xe ô tô nêu trên cùng các loại giấy tờ đến giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2344, ngày 15/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, màu sơn đen, biển kiểm soát 30A-843.47, số khung: KMHJ3813BGU059005, số máy G4NAFU047716, sản xuất năm 2015, do Hàn Quốc sản xuất, xe đã qua sử dụng, thời điểm tháng 10/2019 có giá trị là 570.000.000đ

Tại Bản kết luận giám định số 779/KLGD ngày 10/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Hình dấu đóng trên giấy bán xe đề ngày 31/10/2020 do con dấu của Công ty cổ phần xây dựng M Vĩnh Phúc đóng ra, chữ ký dưới mục “Người làm giấy” do Phạm Văn A ký ra.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2021/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Phạm Văn A (tên gọi khác: Phạm Ngọc A) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo Phạm Văn A (Phạm Ngọc A) 13 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định buộc nghĩa vụ nộp án phí, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/10/2021 bị cáo Phạm Văn A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng với mức hình phạt 13 năm tù là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hoàn cảnh khó khăn do vợ đang bị ung thư, con còn nhỏ, bị cáo có 11 năm tham gia quân ngũ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử quy kết bị cáo như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nên đã xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Người bào chữa cho bị cáo phát biểu bào chữa cho bị cáo:* Không tranh luận gì về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo thì bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Khi bị hại chưa có đơn tố cáo thì bị cáo đã ký vào đơn xác nhận hình vi của mình và nhận trách nhiệm đối với bị hại; bị cáo phạm tội do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vợ đang bị bệnh ung thư để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả và quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo tại

phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Đặc biệt là các kết luận giám định. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 10/2019, do có nhu cầu sử dụng xe ô tô làm phương tiện đi lại, bị cáo A đã đặt vấn đề và được ông Phạm Văn A1 cho bị cáo mượn chiếc xe ô tô hiệu Tucson, biển kiểm soát 30A-843.47 cùng các giấy đăng ký, giấy kiểm định và bảo hiểm trách nhiệm dân sự gốc để làm phương tiện đi lại. Tuy nhiên, sau đó do cần tiền để giải quyết công việc nên Phạm Văn A đã cầm cố chiếc xe trên cho anh Phùng Đắc A3 để lấy số tiền 650.000.000đ, do sau đó bị cáo tiêu xài hết số tiền trên nên không có khả năng chuộc lại xe để trả cho ông A1, bị ông A1 thúc ép việc trả xe, nên bị cáo đã bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sau đó ông A1 đã tố cáo bị cáo đến Cơ quan Công an, ngày 13/11/2020 bị cáo đã ra đầu thú. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm được quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lợi dụng lòng tin của bị hại giao tài sản cho bị cáo mượn, sau khi nhận được tài sản bị cáo sử dụng đúng mục đích được một thời gian, nhưng khi cần tiền bị cáo đã cầm cố xe lấy tiền chi tiêu dẫn đến không có khả năng chuộc lại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây tâm lý hoang mang, tạo dư luận xấu, giá trị xe ô tô tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt là 570.000.000đ, nên cấp sơ thẩm quy kết bị cáo theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; có bố đẻ là ông Phạm Đình C là người có nhiều thành tích được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương, bằng khen, giấy khen; nhưng bị cáo là những đối tượng có nhân thân xấu, đã từng bị đưa ra xét xử bằng hình phạt nghiêm khắc về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu chí làm ăn, chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật, không chịu cải tạo, nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án như bản án sơ thẩm là không cao; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng như người bào chữa cho bị cáo trình bày mình có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị ung thư, các con còn nhỏ; bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ và bị cáo tự thú. Tuy nhiên, không có căn cứ để chứng minh, cũng như không đáng kể so với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ;

[4] Về án phí: Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn A (Phạm Ngọc A); giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2021/HS-ST ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn A (Phạm Ngọc A) 13 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 13/11/2020.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn A (Phạm Ngọc A) phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 78/2021/HS-ST ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**